

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 11 - 2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Thúy Ái.
2. Ông Phùng Hiếu Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T - sinh năm: 1989 (*có mặt*).

Địa chỉ: 507, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H - sinh năm: 1980 (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ: 507, ấp P, xã T, thành phố S tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh H quen biết và tự tìm hiểu được khoảng 02 năm thì chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, không tổ chức đám

cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 04/01/2006 tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, cả vợ chồng sống chung với ba mẹ của anh H ở xã Tân Phú Đông. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không phụ, tiếp giúp gì được cho chị T về kinh tế gia đình, chăm sóc con chung... Vì cuộc sống, vì kinh tế của gia đình, 04 giờ sáng chị T phải thức dậy đi làm bột thuê, anh H không biết suy nghĩ, thương vợ, thương con mà nghi ngờ, ghen tuông vô cớ. Vì hai con, chị T cũng đã cố gắng chung sống, khuyên bảo anh H nhiều lần, nhưng anh H vẫn tính nết nào tật nấy, không chịu sửa đổi mà còn kiếm chuyện gây gổ, chửi mắng chị T. Khoảng 03 tháng nay, chị T đã về nhà mẹ ruột sống, anh H cũng không tới lui, không liên lạc điện thoại thăm hỏi, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay, chị T xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T không thể tiếp tục chung sống với anh H. Chị T yêu cầu được ly hôn anh H.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn H1 - sinh ngày: 20/3/2007 (*hiện đang sống với anh H*) và Trần Văn H2 - sinh ngày: 29/7/2011 (*hiện đang sống với chị T*). Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh Trần Văn H vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, anh H cũng đã nhận được Giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa theo quy định.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị T, anh H là cháu Trần Văn H1 và cháu Trần Văn H2 cùng trình bày: Trường hợp cha mẹ không còn sống chung với nhau nữa thì cả hai cháu H1 và H2 đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh Trần Văn H không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao 02 cháu Trần Văn H1 - sinh ngày: 20/3/2007 (*hiện đang sống với anh H*) và cháu Trần Văn H2 - sinh ngày: 29/7/2011 (*hiện đang sống với chị T*) cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung sau ly hôn. Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Văn H là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh Trần Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống vợ chồng từ năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 04/01/2006 tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, nghỉ ngơi, ghen tuông vô cớ, không lo làm ăn, không phụ và tiếp giúp gì được cho T về kinh tế gia đình, chăm sóc con chung, anh H sống không có trách nhiệm làm chồng, làm cha... Vì hai con, chị T cũng đã cố gắng chung sống, khuyên bảo anh H nhiều lần, nhưng anh H vẫn tính nết tật nấy, không chịu sửa đổi mà còn kiếm chuyện gây gổ, chửi mắng chị T. Khoảng 03 tháng nay, chị T đã về nhà mẹ ruột sống, anh H cũng không tới lui, không liên lạc điện thoại thăm hỏi, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T không thể tiếp tục chung sống với anh H; trường hợp Tòa án không cho chị T ly hôn anh H thì chị T cũng không trở về sống chung với anh H. Chị T yêu cầu được ly hôn anh H.

Về phía anh H: Quá trình tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, anh H đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt trực tiếp cho anh H theo quy định của pháp luật; Anh H biết rõ việc chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh H nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, anh H đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân anh H cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị T và anh H cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh H đều cố tình không đến Tòa án tham gia hòa giải, xét xử cũng không có văn bản ý kiến, trình bày gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T; từ đó cho thấy bản thân anh H cũng không có thành ý muốn hòa giải, đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị T. Nếu chị T và anh H đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng thì cũng không có hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống với anh H, cuộc sống hôn nhân với anh H không có hạnh phúc, trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị T cương quyết không về chung

sống với anh H; chị T yêu cầu xin được ly hôn anh H. Do đó, xét thấy việc chị T yêu cầu được ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Trần Văn H1- sinh ngày: 20/3/2007 (*hiện đang sống với anh H*) và Trần Văn H2- sinh ngày: 29/7/2011 (*hiện đang sống với chị T*). Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai cháu H1 và H2 đang có cuộc sống ổn định, được chị T quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và dành nhiều tình thương cho 02 cháu; hơn nữa, cháu H2 mới được 08 tuổi, còn quá nhỏ nên rất cần được sự chăm sóc, nuôi dạy của mẹ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho cháu trong sinh hoạt, học tập, có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý. Mặc khác, hàng ngày anh H cũng ít khi quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho các cháu. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu H1 và H2 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu H1, H2 và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của 02 cháu trong sinh hoạt, học tập. Anh H được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về nuôi con chung: Buộc anh Trần Văn H có trách nhiệm giao con chung tên Trần Văn H1 - sinh ngày: 20/3/2007 (*hiện đang sống với anh H*) cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng.

- Chị Nguyễn Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trần Văn H1 - sinh ngày: 20/3/2007 (*hiện đang sống với anh H*) và Trần Văn H2 - sinh ngày: 29/7/2011 (*hiện đang sống với chị T*). Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn.

- Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp ngày 18/9/2019 theo biên lai thu số 0004004 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn H vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS TP.S;
- UBND xã T, TP S;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh